

Bản án số: 13 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 7 - 2024.

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thu Hằng

2. Bà Lê Thị Bích Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư N, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Đ, sinh 1972. (Vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: Xóm 3, thôn Th, xã N, huyện T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh 1987. (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Xóm 2, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2023, bản tự khai ngày 17/01/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn T trước khi kết hôn có tìm hiểu yêu đương được một thời gian và đi đến hôn nhân. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Chị và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không còn hoà thuận, bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung, thường xuyên mắng chửi,

không tôn trọng nhau, anh T nhiều lần nhậu nhẹt, chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn tiếp diễn. Nhiều lần vợ chồng ngồi lại trao đổi tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân đến nay đã gần 02 năm. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/6/2007 (chết).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn T không đến Toà trình bày và không có văn bản gửi cho Toà án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn triệu tập đến phiên tòa lần 02 vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn T, chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, Bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho anh Nguyễn T được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T đều từ chối không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Anh T vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Đ và anh Nguyễn T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2007, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư N, tỉnh Q.

Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Đ và anh T thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T nhậu nhẹt, chơi bời, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh, chị sống ly thân gần 02 năm không quan tâm lẫn nhau. Chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh Nguyễn T.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm trở nên trầm trọng. Anh, chị hiện nay sống ly thân không quan tâm lẫn nhau gần 02 năm nay. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lâm Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn T.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/6/2007 (chết), Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lâm Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn T.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/6/2007 (chết).

3 Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001851 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba

trăm nghìn đồng) chị Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Hữu Mừng phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Sơn

Nguyễn Tấn Bốn

Võ Ngọc Thông

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Hữu Mừng phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Các Hội thảo nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quang

Lê Thị Ngọc Lâm

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Ngọc Thông

Các Hội thảo nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quang

Lê Thị Ngọc Lâm

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA